

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 08 tháng 01 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 61/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Nguyễn Quang P**, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: ấp N, xã T, huyện M, tỉnh B.

- *Bị đơn*: Bà **Đỗ Thị N**, sinh năm: 1936.

Bà **Lê Thị N1**, sinh năm: 1968.

Cùng địa chỉ: số 44, ấp 8, xã S, huyện G, tỉnh B.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Đỗ Thị N và bà Lê Thị N1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Quang P số tiền là 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị N1 và bà Đỗ Thị N phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.000.000 (bảy triệu) đồng. Tuy nhiên, bà Đỗ Thị N thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên bà N được miễn nộp toàn bộ tiền án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30

tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Lê Thị N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.500.000 (ba triệu năm trăm nghìn) đồng và còn phải nộp đủ số tiền này.

Ông Nguyễn Quang P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.000.000 (bảy triệu) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.000.000 (mười bốn triệu) đồng theo biên lai số: 0000356 ngày 02/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Hoàn trả lại cho ông P số tiền 7.000.000 (bảy triệu) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Phòng GĐKT TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Lê Thị Hồng Đang